TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2018
V/v tranh chấp: "Yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Tố
2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân, kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2017/TLST-HNGĐ ngày24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: "Yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973(CM)
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970(VM)

Cùng địa chỉ: Thôn KG, xã HH, huyện HNh, tỉnh BĐ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2016, các tài liệu tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh D không chung thủy, chị M đã nhiều lần tha thứ nhưng anh D không thay đổi nên chị yêu cầu Tòa giải quyết tuyên bố chị và anh D không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 và Nguyễn A K, sinh năm 1999. Các con đã thành niên, chị M không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa

giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 10 năm 2017 và các biên bản làm việc tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh với chị M là đúng như chị M trình bày. Tuy nhiên, hiện nay anh còn thương yêu chị M, mong vợ chồng đoàn tụ, cũng có lúc anh D đồng ý yêu cầu ly hôn của chị M.

Về con chung: Anh thống nhất theo ý kiến của chị M, các con đã trưởng thành anh D không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật: Xác định đúng thời hiệu, quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, không công nhận chị M và anh D là vợ chồng. Về con chung, đã thành niên. Về tài sản chung: Không yêu cầu. Về án phí: Chị M nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hôn nhân:Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng giữa chị M và anh D. Nay chị M yêu cầu Tòa giải quyết tuyên bố chị M và anh D không phải là vợ chồng là đúng pháp luật. Ý kiến của anh D không chấp nhận yêu cầu của chị M là không có cơ sở pháp lý. Căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

[2] Về con chung: Các con chị M và anh D đã thành niên, chị M và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định. Về nội dung: Căn cứ quy định của pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, không công nhận chị M và anh D là vợ chồng, về con chung, tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:Tuyên bố chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn D không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chị M và anh D đã thành niên, chị M và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0003646 ngày 24/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDhuyện Hoài Nhơn;
- UBND xã HH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THANH VƯƠNG

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDHoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Hảo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYễN THANH VƯƠNG